TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN YÊN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Độ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Đạc *và* bà Nguyễn Thị Mây

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Hoàng Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa****:* ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1996;

Nơi ĐKHKTT: thôn P, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở hiện nay: thôn 8, xã C, huyện TN, thành phố HP.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh Phạm Minh T – sinh năm 1990;
Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2021, Toà án nhận ngày 08/12/2021, thụ lý ngày 10/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Minh T đăng ký kết hôn ngày 20/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xảy ra xô xát, không tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 8/2021, vợ chồng sống ly thân và chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 8, xã C, huyện T, thành phố HP sinh sống, từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình vợ chồng sống ly thân nhau, gia đình nội ngoại hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 03/8/2015 và Phạm Minh M, sinh ngày 16/6/2017. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị H khai chị và anh T không có tài sản chung; vợ chồng cũng không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – anh Phạm Minh T, tại Biên bản xác minh ngày 07/3/2022 bà Phạm Thị T’ là mẹ đẻ của anh T cung cấp thông tin: Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 8/2021 anh T cùng hai con chung là Phạm Minh Q và Phạm Minh M về sống cùng với bố mẹ đẻ. Hiện nay anh T đang đi làm ăn kinh tế tại Hải Phòng nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể ở đâu, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và thỉnh thoảng có về thăm nhà. Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập anh T bà T’ có nhận thay và đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh T đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu của chị H. Tòa án tiến hành xác minh tại thôn xóm nơi anh chị cư trú, Trưởng thôn cho biết: Chị H và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện Tiên Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đi làm ăn tại Hải Phòng, sau đó vì phát sinh mâu thuẫn nên anh T đã đưa cả hai con chung về chung sống với mẹ đẻ tại thôn P, xã Đ, huyện Tiên Yên. Hiện nay chị H vẫn sinh sống tại HP; còn anh T và các con chung vẫn sống cùng với mẹ đẻ của mình tại thôn, tuy nhiên hiện anh T đang đi làm ăn kinh tế, thỉnh thoảng mới về thăm nhà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa là đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn cũng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn không chấp hành đúng quy

định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Minh T và giao con chung Phạm Minh Q và Phạm Minh M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H khởi kiện "về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn – anh Phạm Minh T (Nơi cư trú: thôn Phương Nam, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt và thực hiện đầy đủ quy định theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vụ án khi nguyên đơn vắng mặt đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn (anh T) theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã xác minh. Tuy nhiên anh T không có phản hồi, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn là thể hiện việc anh cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn, cố tình không chấp hành pháp luật. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về ly hôn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T phát sinh từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã cố gắng khuyên giải hàn gắn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 8/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo hòa giải cho anh T mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T đều không đến và không có lý do, việc không đến này của anh T thể hiện anh T không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của anh T tại thôn Phương Nam, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được địa phương và mẹ anh T cung cấp thông tin: anh T và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh chị có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, hiện nay anh T đi làm ăn kinh tế tại Hải Phòng nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể ở đâu, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T, mẹ anh T có nhận thay và đã thông báo cho anh T biết việc Toà án đã thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau một thời gian dài, tình cảm không còn, chị H làm đơn xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về tranh chấp nuôi con thì thấy: chị H và anh T có 02 con chung là Phạm Minh Q – sinh ngày 03/8/2015 và Phạm Minh M – sinh ngày 16/6/2017. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con thì thấy: Đối với anh T đã được Toà án triệu tập đến Toà án làm việc, đến phiên toà xét xử nhưng anh T không đến, không có quan điểm về việc nuôi con khi ly hôn. Việc không đến Tòa án giải quyết vụ án của anh T thể hiện việc không chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy cả hai con chung Phạm Minh Quân và Phạm Minh Minh đều được anh T chăm sóc từ lâu, hai cháu đều được nuôi dưỡng tốt, kể từ thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, mặt khác chị H có đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh T để nuôi dưỡng đến khi thành niên vì vậy việc giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi T niên là phù hợp với nguyện vọng của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự ổn định và phát triển của con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, không nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Minh Q, sinh ngày 03/8/2015 và Phạm Minh M, sinh ngày 16/6/2017 cho anh Phạm Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012037 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã Đông Hải, huyện Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Độ

Các Hội Thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Nguyễn Quang Đạc – Nguyễn Thị Mây	**Nguyễn Quang Độ**